

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 20/2026/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa
trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17/7/2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, lập hồ sơ, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập;

Căn cứ Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28/11/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn hóa;

Căn cứ Nghị định số 215/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ Quy định các biện pháp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, di sản văn hóa dưới nước, di sản văn hóa phi vật thể trong các Danh sách của UNESCO và Danh mục quốc gia về di sản văn hóa phi vật thể và chính sách đối với nghệ nhân, chủ thể di sản văn hóa phi vật thể;

Căn cứ Thông tư số 04/2025/TT-BVHTTDL ngày 13/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về kiểm kê di sản văn hóa, công bố Danh mục kiểm kê di sản văn hóa; đưa thêm, di dời, thay đổi hiện vật trong di tích; phân loại di vật, cổ vật; kho bảo quản di sản tư liệu; di sản văn hóa hạn chế sử dụng, khai thác và hướng dẫn việc khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về di sản văn hóa;

Căn cứ Thông tư số 06/2025/TT-BVHTTDL ngày 13/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số quy định về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích; định mức kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 85/TTr-SVHTTDL ngày 04/3/2026 và Công văn số 1182/SVHTTDL-QLVH ngày 27/3/2026, Báo cáo số 19/BC-STP ngày 16/01/2026 của Sở Tư pháp về việc thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định ban hành Quy chế quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2026.

2. Các Quyết định sau hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

- Quyết định số 22/2018/QĐ-UBND ngày 06/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn ban hành Quy chế quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và lễ hội trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

- Quyết định số 24/2019/QĐ-UBND ngày 27/11/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 1750/2011/QĐ-UBND ngày 28/9/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành Quy định thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn và Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 22/2018/QĐ-UBND ngày 06/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn ban hành Quy chế quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh và lễ hội trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

- Quyết định số 10/2024/QĐ-UBND ngày 05/8/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh và lễ hội trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Quyết định số 22/2018/QĐ-UBND ngày 06/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

- Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND ngày 15/3/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Quy định phân cấp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Văn Lượng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 20/2026/QĐ-UBND
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định về quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.
2. Đối tượng áp dụng: Các cơ quan nhà nước, các tổ chức, cá nhân Việt Nam, các tổ chức, cá nhân nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài có các hoạt động liên quan đến quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Nguyên tắc quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa

1. Hoạt động quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa và các quy định pháp luật khác có liên quan.
2. Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa các ngành, các cấp, các tổ chức và cá nhân có liên quan trong việc quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa.
3. Đảm bảo an toàn giá trị của di sản văn hóa; phòng ngừa các hành vi mua bán, sưu tầm trái phép đối với di sản văn hóa trong tỉnh và ngoài địa bàn tỉnh.
4. Đảm bảo an toàn cho các di tích trên địa bàn tỉnh trước những tác động xấu của môi trường thiên nhiên và môi trường xã hội; giữ gìn, phòng ngừa và hạn chế những nguy cơ làm hủy hoại di tích; bảo quản, tu bổ, phục hồi các yếu tố nguyên gốc đối với di tích.
5. Khai thác phát huy giá trị di sản văn hóa đáp ứng nhu cầu tham quan, nghiên cứu, học tập, sáng tạo và hưởng thụ văn hóa, nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân; tạo điều kiện cho phát triển du lịch, dịch vụ góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

6. Việc quản lý, sưu tầm, nghiên cứu, kiểm kê, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa trong địa bàn tỉnh Thái Nguyên phải đảm bảo thực hiện đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước theo tinh thần Nghị quyết số 33, Hội nghị lần thứ 9, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XI) về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”; đồng thời đáp ứng nhu cầu sáng tạo và hưởng thụ văn hóa của nhân dân các dân tộc trong tỉnh, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Chương II

QUẢN LÝ, BẢO VỆ VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA VẬT THỂ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN

Mục 1

KIỂM KÊ, XẾP HẠNG DI TÍCH

Điều 3. Kiểm kê di tích

1. Đối tượng kiểm kê di tích bao gồm các công trình, địa điểm, quần thể kiến trúc đô thị, nông thôn, khu vực đô thị và nông thôn, cảnh quan thiên nhiên, khu vực thiên nhiên (sau đây gọi chung là công trình, địa điểm di tích) được nhận diện theo tiêu chí quy định tại Điều 22 của Luật Di sản văn hóa.

2. Nội dung kiểm kê di tích, rà soát, cập nhật, đưa ra khỏi Danh mục kiểm kê di tích thực hiện theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 04/2025/TT-BVHTTDL ngày 13/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

3. Hồ sơ kiểm kê di tích, rà soát, cập nhật, đưa ra khỏi Danh mục kiểm kê di tích thực hiện theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 04/2025/TT-BVHTTDL ngày 13/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

4. Trình tự kiểm kê, rà soát, cập nhật, đưa ra khỏi Danh mục kiểm kê di tích thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 04/2025/TT-BVHTTDL ngày 13/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo, tổ chức kiểm kê, phê duyệt, công bố đưa vào Danh mục kiểm kê di tích trên địa bàn và đưa ra khỏi Danh mục kiểm kê di tích đối với di tích không còn đáp ứng tiêu chí quy định tại Điều 22 của Luật Di sản văn hóa. Các di tích trong Danh mục kiểm kê di tích được thực hiện các biện pháp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị như đối với di tích cấp tỉnh theo quy định của Luật Di sản văn hóa.

6. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, phường (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã) tham mưu xây dựng kế hoạch kiểm kê di tích trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện kiểm kê di tích trên địa bàn trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, công bố hoặc điều chỉnh, bổ sung danh mục kiểm kê di tích.

7. Danh mục kiểm kê di tích phải được rà soát, cập nhật hằng năm, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã và tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện rà soát, kiểm kê và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung hoặc đưa ra khỏi Danh mục kiểm kê các công trình xây dựng, địa điểm, cảnh quan thiên nhiên,... không đủ tiêu chuẩn xếp hạng di tích.

8. Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm kê khai bổ sung các công trình xây dựng, địa điểm, khu vực thiên nhiên trên địa bàn có tiêu chí như quy định tại Điều 22 Luật Di sản văn hóa nhưng chưa có trong danh mục kiểm kê di tích, báo cáo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch để kiểm tra, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

9. Kinh phí tổ chức kiểm kê từ nguồn ngân sách cấp tỉnh, cấp xã và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.

Điều 4. Xếp hạng di tích và hủy bỏ xếp hạng di tích

1. Di tích bao gồm các loại hình sau đây

a) Di tích lịch sử - văn hóa gồm các loại hình: Di tích lịch sử gồm di tích lưu niệm sự kiện lịch sử, văn hóa, di tích lưu niệm danh nhân; Di tích kiến trúc, nghệ thuật; Di tích khảo cổ.

b) Danh lam thắng cảnh.

c) Di tích hỗn hợp.

2. Xếp hạng di tích

a) Di tích cấp tỉnh là di tích có giá trị tiêu biểu của địa phương và đáp ứng ít nhất một trong các tiêu chí quy định tại Điều 22 của Luật Di sản văn hóa.

b) Di tích quốc gia là di tích có giá trị tiêu biểu của quốc gia và đáp ứng ít nhất một trong các tiêu chí quy định tại Điều 22 của Luật Di sản văn hóa.

c) Di tích quốc gia đặc biệt là di tích có giá trị đặc biệt tiêu biểu của quốc gia và đáp ứng ít nhất một trong các tiêu chí quy định tại Điều 22 của Luật Di sản văn hóa.

3. Các trường hợp xem xét, hủy bỏ xếp hạng di tích bao gồm: Di tích đã được xếp hạng không còn đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ xếp hạng, xếp hạng bổ sung, hủy bỏ quyết định xếp hạng và bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ khoa học di tích thực hiện theo quy định tại Điều 25 của Luật Di sản văn hóa.

5. Tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc được giao quản lý di tích (Ban Quản lý di tích, Ủy ban nhân dân cấp xã) căn cứ quy định về việc xếp hạng tại Luật Di sản văn hóa có đơn đề nghị gửi Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch để xem xét trình xếp hạng di tích theo thẩm quyền. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm lập hồ sơ khoa học để xếp hạng di tích trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét xếp hạng di tích.

6. Tổ chức lễ công bố và đón nhận trao Bằng xếp hạng di tích.

a) Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức hoặc ủy quyền cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức lễ công bố và đón nhận Bằng xếp hạng đối với di tích quốc gia đặc biệt.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lễ công bố và đón nhận Bằng di tích xếp hạng quốc gia, xếp hạng cấp tỉnh.

c) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tham mưu việc tổ chức lễ công bố và đón nhận Bằng xếp hạng di tích cấp quốc gia đặc biệt (trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền); hướng dẫn chương trình tổ chức lễ công bố và đón nhận Bằng xếp hạng di tích do Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức.

d) Kinh phí tổ chức lễ công bố và đón nhận Bằng xếp hạng di tích được hỗ trợ từ nguồn ngân sách cấp tỉnh, cấp xã và huy động nguồn kinh phí xã hội hóa.

Mục 2

PHÂN CÔNG QUẢN LÝ, BẢO VỆ VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI TÍCH

Điều 5. Quản lý nhà nước về di tích

1. Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về di tích trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về di tích trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện việc quản lý nhà nước về di tích trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn theo phân cấp.

Điều 6. Trách nhiệm quản lý di tích

1. Các di tích đã được xếp hạng, di tích thuộc danh mục kiểm kê được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, di tích thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân chịu sự quản lý toàn diện của Ủy ban nhân dân tỉnh; sự quản lý, hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo quy định của Luật Di sản văn hóa và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã trực tiếp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích tại địa phương.

3. Đối với các di tích nằm trên địa bàn 02 xã trở lên thì theo địa giới hành chính, diện tích khoanh vùng bảo vệ của di tích thuộc xã nào thì xã đó có trách nhiệm quản lý, bảo vệ phần di tích trên địa bàn theo quy định.

4. Đối với các di tích nằm trong khu vực quản lý của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh thì giao các cơ quan, đơn vị đó trực tiếp quản lý.

Điều 7. Thành lập Ban Quản lý di tích

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thành lập và hoạt động của Ban Quản lý di tích cấp xã, thành phần gồm: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, đại diện phòng, ban, đoàn thể, đại diện dòng họ (nếu là di tích lưu niệm danh nhân, nhà thờ họ), đại diện trụ trì, thủ nhang, thủ từ, đình, đền, chùa... người trực tiếp trông coi, bảo vệ di tích, chủ sở hữu di tích; số lượng và cơ cấu thành viên cụ thể của Ban Quản lý di tích cấp xã do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định.

2. Ban Quản lý di tích cấp xã thực hiện chức năng quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị các di tích trên địa bàn theo quy định; hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm, chịu sự chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp.

3. Ban Quản lý di tích cấp xã có trách nhiệm tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp xây dựng quy chế hoạt động để thực hiện tốt công tác quản lý di tích trên địa bàn. Căn cứ tình hình thực tế của từng địa phương Ban Quản lý di tích cấp xã xem xét việc lập các Tổ quản lý trực tiếp cho từng di tích, cụm di tích trên địa bàn được giao quản lý hoặc giao cho chủ sở hữu di tích trực tiếp quản lý.

4. Nhiệm vụ của Ban Quản lý di tích cấp xã

a) Xây dựng kế hoạch và tổ chức quản lý, bảo vệ, phát huy toàn bộ giá trị vật thể và phi vật thể của di tích; kiểm tra và định kỳ báo cáo cơ quan quản lý trực tiếp về hiện trạng di tích.

b) Chủ động thực hiện các biện pháp bảo vệ, phòng ngừa, ngăn chặn và kịp thời báo cáo cơ quan quản lý trực tiếp các hành vi vi phạm đến di tích, các nguy cơ ảnh hưởng đến sự an toàn của di tích và cảnh quan môi trường của di tích.

c) Hướng dẫn khách tham quan, khách đi lễ thực hiện nội quy của di tích, nếp sống văn minh nơi thờ tự; thu gom tiền đặt lễ trên các ban thờ; đảm bảo vệ sinh môi trường khu vực di tích; thực hiện bảo vệ tài sản, hiện vật, phòng chống cháy nổ và các hoạt động liên quan đến di tích; triển khai các phương án phòng chống thiên tai, hỏa hoạn, trộm cắp... nhằm đảm bảo an ninh trật tự, an toàn di tích, hiện vật và khách tham quan.

d) Chịu trách nhiệm trực tiếp khi để xảy ra hỏa hoạn, cháy nổ, ô nhiễm môi trường, mất hiện vật, tài sản, mất an ninh trật tự tại di tích hoặc những hành vi vi phạm pháp luật như: Làm sai lệch di tích; xâm lấn đất đai, xây dựng làm ảnh hưởng đến kiến trúc, cảnh quan môi trường và các hành vi vi phạm pháp luật khác liên quan đến di tích.

đ) Tổ chức quản lý nguồn thu hợp pháp tại di tích (bằng tiền và hiện vật) theo quy định và định kỳ báo cáo với Ủy ban nhân dân cùng cấp.

e) Tổ chức các hoạt động dịch vụ tại di tích phù hợp, quản lý, sử dụng nguồn thu theo quy định pháp luật hiện hành.

5. Kinh phí hoạt động của Ban Quản lý di tích cấp xã được trích từ nguồn thu của di tích, hỗ trợ từ ngân sách nhà nước và nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.

6. Đối với Ban Quản lý di tích do chủ thể khác thành lập theo thẩm quyền thì hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quyết định thành lập.

Điều 8. Quản lý đất đai và không gian di tích

1. Di tích đã được xếp hạng hoặc trong Danh mục kiểm kê phải được bảo vệ về đất đai, mặt bằng và không gian theo quy định của Luật Đất đai và các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan.

2. Khu vực bảo vệ di tích, nguyên tắc xác định và cắm mốc giới các khu vực bảo vệ di tích, điều chỉnh khu vực bảo vệ di tích đã xếp hạng được thực hiện theo quy định tại Điều 27 Luật Di sản văn hóa và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu di tích hoặc được giao quyền quản lý, sử dụng di tích phải có trách nhiệm bảo vệ đất đai của di tích. Trong trường hợp phát hiện đất đai của di tích bị xâm phạm, lấn, chiếm, mua bán hoặc hủy hoại phải có ngay biện pháp ngăn chặn, bảo vệ và thông báo cho chính quyền địa phương và cơ quan quản lý trực tiếp cấp trên để kịp thời xử lý, giải quyết.

4. Việc cải tạo, xây dựng công trình nằm ngoài khu vực đất khoanh vùng bảo vệ di tích mà có khả năng ảnh hưởng xấu đến di tích phải thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Di sản văn hóa và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan. Cơ quan chủ trì thẩm định, cấp phép dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình hoặc nhà ở riêng lẻ có trách nhiệm gửi văn bản kèm hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư, quyết định chủ trương đầu tư, hồ sơ dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, nhà ở riêng lẻ đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch để có ý kiến. Trong quá trình cải tạo, xây dựng các công trình mà phát hiện các di tích, di vật, cổ vật, di chỉ khảo cổ thì chủ dự án phải tạm ngừng thi công và thông báo kịp thời cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, chính quyền địa phương để xử lý theo quy định.

Điều 9. Quản lý hoạt động khai thác, phát huy giá trị di tích

1. Các lễ hội tổ chức tại di tích phải tuân thủ quy định của Luật Di sản văn hóa, Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ về quản lý và tổ chức lễ hội và các quy định có liên quan. Việc tổ chức lễ hội phải phù hợp với tính chất, đặc điểm lịch sử của di tích, thuận phong mỹ tục và tình hình kinh tế - xã hội của địa phương nơi có di tích.

2. Các hoạt động tại di tích là cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo phải tuân thủ quy định của Luật Di sản văn hóa, Luật Tín ngưỡng, tôn giáo và các quy định pháp luật khác có liên quan. Nghiêm cấm các hoạt động mê tín dị đoan, lợi dụng, xuyên tạc các giá trị di tích.

3. Hoạt động dịch vụ tại di tích phải được bố trí ở vị trí thích hợp, đảm bảo không làm ảnh hưởng đến yếu tố gốc cấu thành di tích, cảnh quan thiên nhiên và môi trường sinh thái của di tích, an ninh và các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo gắn với di tích.

4. Các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động phát huy giá trị di tích có trách nhiệm bảo vệ, ngăn ngừa các hành vi xâm hại đến di tích, di vật; đảm bảo an ninh trật tự, giữ gìn vệ sinh, cảnh quan môi trường di tích.

5. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia xã hội hóa trong các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di tích.

Điều 10. Quản lý, sử dụng nguồn thu của di tích

1. Nguồn thu của di tích bao gồm:

a) Phí tham quan di tích.

b) Các khoản thu hợp pháp từ hoạt động phát huy giá trị di tích.

c) Nguồn tài trợ và đóng góp của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài và các khoản thu khác (bằng tiền, hiện vật và các hình thức hợp pháp khác).

2. Quản lý, sử dụng nguồn thu của di tích:

Nguồn thu của di tích được tiếp nhận, quản lý, sử dụng theo quy định hiện hành, đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, chi đúng mục đích, đúng quy định và được sự giám sát, kiểm tra của cơ quan quản lý.

Điều 11. Quản lý hiện vật thuộc di tích

1. Định kỳ hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo kiểm kê hiện vật thuộc di tích đã được xếp hạng và báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trước ngày 30 tháng 11.

2. Việc tiếp nhận, bổ sung biểu tượng, sản phẩm, linh vật, đồ thờ tự mới vào di tích phải đảm bảo quy trình, nguyên tắc sau:

a) Biểu tượng, sản phẩm, linh vật, đồ thờ tự được bổ sung phải có giá trị thẩm mỹ, phù hợp với thuần phong mỹ tục Việt Nam; kích thước, kiểu dáng, màu sắc phù hợp với không gian kiến trúc và nội thất của di tích.

b) Phù hợp về thẩm quyền quyết định theo quy định tại khoản 2 Điều 31 Luật Di sản văn hóa.

Mục 3

QUY HOẠCH, BẢO QUẢN, TU BỔ, PHỤC HỒI DI TÍCH

Điều 12. Quy định quản lý kinh phí bảo vệ và đầu tư cho quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích

1. Kinh phí để bảo vệ và đầu tư cho công tác quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích từ nguồn thu của các di tích, nguồn ngân sách nhà nước, nguồn xã hội hóa và các nguồn huy động hợp pháp khác.

2. Hằng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã cân đối, bố trí kinh phí từ các nguồn ngân sách hỗ trợ và huy động kinh phí từ các nguồn xã hội hóa cho việc bảo vệ và đầu tư cho công tác quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị các di tích, ưu tiên đầu tư cho các di tích lịch sử cách mạng, di tích khảo cổ, di tích cần được tu sửa cấp thiết.

3. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đóng góp, đầu tư cho bảo vệ và công tác bảo quản, tu bổ, phục hồi, khai thác và phát huy giá trị các di tích trên địa bàn tỉnh.

4. Ban Quản lý di tích hoặc đơn vị, cá nhân được giao trách nhiệm quản lý di tích có trách nhiệm theo dõi quản lý các nguồn thu, chi phục vụ hoạt động bảo vệ, đầu tư cho tu bổ, phục hồi phát huy giá trị di tích theo quy định hiện hành, đảm bảo công khai, minh bạch.

Điều 13. Thẩm quyền lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch, quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích

1. Thẩm quyền lập nhiệm vụ lập quy hoạch, quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức lập nhiệm vụ lập quy hoạch và quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (sau đây gọi chung là quy hoạch di tích).

2. Thẩm quyền thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch, quy hoạch di tích:

a) Đối với di sản thế giới, di tích quốc gia đặc biệt, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với bộ, ngành liên quan thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch và quy hoạch di tích theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Đối với cụm di tích quốc gia hoặc cụm di tích quốc gia với di tích cấp tỉnh tạo thành một quần thể phân bố trong cùng một khu vực địa lý, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì phối hợp với bộ, ngành liên quan thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch và quy hoạch di tích theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch, quy hoạch di tích:

a) Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch và quy hoạch di sản thế giới, di tích quốc gia đặc biệt.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch và quy hoạch di tích không thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

4. Hồ sơ quy hoạch di tích sau khi phê duyệt phải được cơ quan thẩm định quy hoạch kiểm tra, đóng dấu xác nhận trước khi công bố theo quy định.

5. Việc điều chỉnh quy hoạch di tích thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17/7/2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập (sau đây gọi chung là Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17/7/2025 của Chính phủ).

Điều 14. Trình tự, thủ tục, hồ sơ đề nghị xác nhận di tích xuống cấp để lập dự án tu bổ di tích

1. Hồ sơ đề nghị xác định di tích xuống cấp để lập dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích gồm:

a) Văn bản đề nghị xác nhận di tích xuống cấp để lập dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đối với di sản thế giới, di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia; của chủ đầu tư dự án tu bổ di tích đối với di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích kèm theo ý kiến bằng văn bản của chủ sở hữu hoặc tổ chức được giao trực tiếp quản lý, sử dụng di tích.

b) Bộ ảnh màu kích thước 10 x 15cm, chụp hiện trạng di tích xuống cấp.

c) Mô tả hiện trạng xuống cấp của di tích; thuyết minh sự cần thiết lập Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích và nguồn vốn thực hiện.

d) Ý kiến bằng văn bản của cơ quan chuyên môn có liên quan (nếu có).

2. Trình tự, thủ tục đề nghị xác nhận di tích xuống cấp để lập dự án tu bổ di tích:

a) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch gửi trực tuyến 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này tới Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đối với di sản thế giới, di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia.

b) Chủ đầu tư dự án tu bổ di tích gửi trực tuyến 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này tới Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đối với di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích.

Điều 15. Lập, thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích

1. Thẩm quyền lập, thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích thực hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17/7/2025 của Chính phủ.

2. Trình tự lập, thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích thực hiện theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17/7/2025 của Chính phủ.

3. Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích thực hiện theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17/7/2025 của Chính phủ.

4. Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích thực hiện theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17/7/2025 của Chính phủ.

5. Hồ sơ đề nghị thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích thực hiện theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17/7/2025 của Chính phủ.

6. Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích thực hiện theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17/7/2025 của Chính phủ.

7. Hồ sơ đề nghị thẩm định, phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích thực hiện theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17/7/2025 của Chính phủ.

8. Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích thực hiện theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17/7/2025 của Chính phủ.

9. Trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích thực hiện theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17/7/2025 của Chính phủ.

10. Điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích thực hiện theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17/7/2025 của Chính phủ.

Điều 16. Báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu sửa cấp thiết di tích

1. Tu sửa cấp thiết di tích là hoạt động sửa chữa hoặc chống đỡ, gia cố, gia cường tạm thời để ngăn chặn di tích khỏi bị sập đổ, hủy hoại nhưng không được tháo rời toàn bộ cấu kiện, thành phần kiến trúc của di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh.

2. Báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu sửa cấp thiết di tích quy định tại khoản 2 Điều 36 của Luật Di sản văn hóa gồm:

a) Thuyết minh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu sửa cấp thiết di tích: Lý do tu sửa cấp thiết, tình trạng kỹ thuật và các nguy cơ gây xuống cấp, sập đổ, hủy hoại di tích; đề xuất phương án tu sửa cấp thiết di tích.

b) Bộ ảnh màu kích thước 10 x 15cm, mô tả hiện trạng xuống cấp của di tích tại thời điểm lập hồ sơ.

c) Bản vẽ thiết kế phương án tu sửa cấp thiết di tích.

d) Kinh phí tu sửa cấp thiết di tích được lập theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn hóa.

3. Trình tự, thủ tục lấy ý kiến, phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu sửa cấp thiết di tích

a) Trình tự, thủ tục lấy ý kiến Báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu sửa cấp thiết di tích:

Chủ đầu tư thực hiện Báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu sửa cấp thiết di tích gửi trực tuyến 01 bộ hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này tới Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Sau khi nhận được hồ sơ đề nghị có ý kiến đối với Báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu sửa cấp thiết di tích, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có ý kiến trả lời bằng văn bản.

b) Trình tự, thủ tục phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu sửa cấp thiết di tích

Chủ đầu tư thực hiện Báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu sửa cấp thiết di tích gửi trực tuyến 01 bộ hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này tới Ủy ban nhân dân tỉnh. Sau khi nhận được hồ sơ đề nghị phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu sửa cấp thiết di tích, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu sửa cấp thiết di tích.

4. Hồ sơ đề nghị có ý kiến, phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu sửa cấp thiết di tích gồm:

a) Hồ sơ đề nghị có ý kiến: Văn bản đề nghị theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17/7/2025 của Chính phủ; thuyết minh theo Quy chế tại điểm a khoản 1 Điều này; bộ ảnh màu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này; bản vẽ thiết kế phương án tu sửa cấp thiết theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này; dự toán kinh phí tu sửa cấp thiết theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều này.

b) Hồ sơ đề nghị phê duyệt: Tờ trình đề nghị theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; thuyết minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này; bộ ảnh màu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này; bản vẽ thiết kế phương án tu sửa cấp thiết theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này; dự toán kinh phí tu sửa cấp thiết theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều này; ý kiến của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Điều 17. Duy tu, sửa chữa, bảo quản định kỳ di tích hoặc trong danh mục kiểm kê di tích

Các hoạt động tu bổ thường xuyên có tính chất sửa chữa nhỏ, không ảnh hưởng đến kết cấu kiến trúc của di tích đã xếp hạng hoặc trong danh mục kiểm kê di tích (đào ngói, thay hoành, dui, lát nền, trát lại tường), Ủy ban nhân dân cấp xã trực tiếp chỉ đạo việc duy tu, sửa chữa, bảo quản định kỳ di tích hoặc đối tượng kiểm kê di tích và báo cáo kết quả thực hiện sau khi được Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đồng ý bằng văn bản.

Điều 18. Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích

1. Thẩm quyền lập Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích thực hiện theo quy định tại Điều 34 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17/7/2025 của Chính phủ.

2. Trình tự lập, thẩm định, phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích thực hiện theo quy định tại Điều 35 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17/7/2025 của Chính phủ.

3. Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích thực hiện theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17/7/2025 của Chính phủ.

4. Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích thực hiện theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17/7/2025 của Chính phủ.

5. Trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích thực hiện theo quy định tại Điều 38 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17/7/2025 của Chính phủ.

6. Hồ sơ đề nghị thẩm định, phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích thực hiện theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17/7/2025 của Chính phủ.

7. Nội dung thẩm định Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích thực hiện theo quy định tại Điều 40 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17/7/2025 của Chính phủ.

8. Điều chỉnh Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích thực hiện theo quy định tại Điều 41, Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17/7/2025 của Chính phủ.

Điều 19. Nghiệm thu, bàn giao và quyết toán dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích

1. Chủ đầu tư dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích thực hiện nghiệm thu, bàn giao và quyết toán dự án theo quy định của pháp luật về xây dựng, có sự tham gia của đại diện Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có di tích, Ban Quản lý di tích hoặc chủ sở hữu di tích.

2. Sau khi dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích hoàn thành, chủ đầu tư có trách nhiệm lập hồ sơ quyết toán trình cấp có thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Sau khi hoàn thành bàn giao công trình đưa vào sử dụng, chủ đầu tư có trách nhiệm gửi 01 (một) bộ hồ sơ hoàn công dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch để lưu hồ sơ di tích.

Điều 20. Xã hội hóa công tác tu bổ, tôn tạo, phát huy giá trị di tích

1. Ủy ban nhân dân các cấp được giao quản lý di tích có trách nhiệm huy động sự đóng góp của Nhân dân, các cơ quan, tổ chức xã hội, doanh nghiệp, các tổ chức quốc tế trong việc bảo quản, tu bổ, tôn tạo, phát huy giá trị di tích trên địa bàn.

2. Đảm bảo các quyền lợi hợp pháp của các tổ chức, cá nhân tham gia xã hội hóa cho công tác bảo quản, tu bổ, tôn tạo, phát huy giá trị di tích.

Chương III
QUẢN LÝ, BẢO VỆ VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA
PHI VẬT THỂ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN

Mục 1
KIỂM KÊ, SƯU TẦM, TƯ LIỆU HÓA,
BẢO TỒN DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ

Điều 21. Kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể

1. Di sản văn hóa phi vật thể được kiểm kê đưa vào Danh mục kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Danh mục kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể). Danh mục kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể phải được rà soát, cập nhật hằng năm.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, tổ chức kiểm kê và phê duyệt, công bố Danh mục kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể và đưa ra khỏi Danh mục kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn tỉnh.

3. Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm rà soát, cập nhật Danh mục kiểm kê di sản văn hóa, báo cáo kết quả kiểm kê và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố Danh mục kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn tỉnh.

4. Đối tượng kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể bao gồm di sản văn hóa phi vật thể thuộc các loại hình quy định tại Điều 10, Luật Di sản văn hóa.

5. Hằng năm, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chỉ đạo cơ quan chức năng tổ chức kiểm kê, rà soát di sản văn hóa phi vật thể để phân cấp quản lý bảo vệ, phát huy theo từng giai đoạn cụ thể, phù hợp với điều kiện áp dụng để phát huy giá trị đối với di sản văn hóa phi vật thể đó.

6. Nội dung kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể thực hiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 04/2025/TT-BVHTTDL ngày 13/5/2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

7. Hồ sơ kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể thực hiện theo quy định tại Điều 9, Thông tư số 04/2025/TT-BVHTTDL ngày 13/5/2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

8. Trình tự kiểm kê, rà soát, cập nhật, đưa ra khỏi Danh mục kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 04/2025/TT-BVHTTDL ngày 13/5/2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

9. Danh mục, danh sách và tiêu chí ghi danh, ghi danh bổ sung về di sản văn hóa phi vật thể thực hiện theo quy định tại Điều 12 của Luật Di sản văn hóa.

10. Ghi danh, ghi danh bổ sung và hủy bỏ ghi danh di sản văn hóa phi vật thể thực hiện theo quy định tại Điều 13 Luật Di sản văn hóa.

Điều 22. Nghiên cứu, sưu tầm, tư liệu hóa di sản văn hóa phi vật thể

1. Nghiên cứu, sưu tầm, tư liệu hóa di sản văn hóa phi vật thể là hoạt động tìm hiểu, nhận diện đặc điểm, giá trị và chức năng của di sản văn hóa phi vật thể và ghi, thu lại hiện trạng di sản văn hóa phi vật thể để lưu giữ.

2. Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu, sưu tầm, tư liệu hóa di sản văn hóa phi vật thể ở tỉnh Thái Nguyên phải có sự đồng ý bằng văn bản của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

3. Các tổ chức, cộng đồng và cá nhân phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện nghiên cứu, sưu tầm, tư liệu hóa di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn tỉnh.

4. Các cơ quan, tổ chức có chức năng, chuyên môn thực hiện nghiên cứu về di sản văn hóa phi vật thể, các cá nhân thực hiện việc nghiên cứu di sản văn hóa phi vật thể theo quy định tại Điều 16 của Luật Di sản văn hóa phải được sự đồng thuận của chủ thể di sản và tuân thủ nguyên tắc trong thực hành di sản văn hóa phi vật thể quy định tại Điều , Nghị định số 215/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc nghiên cứu của mình.

5. Nghiên cứu các loại hình di sản văn hóa phi vật thể theo quy định tại Điều 10 của Luật Di sản văn hóa gồm các nội dung: Nghiên cứu, nhận diện về các biểu đạt, giá trị, chủ thể, hiện trạng, quá trình trao truyền, thực hành, sáng tạo, tái sáng tạo, chức năng xã hội, yếu tố tác động, biện pháp bảo vệ và các nội dung khác nhằm làm sâu sắc hơn về di sản và về việc quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản trong đời sống.

6. Các cơ quan, tổ chức nghiên cứu di sản văn hóa phi vật thể quy định tại khoản 1 Điều này phải có sản phẩm nghiên cứu cụ thể, được nghiệm thu theo quy định; số hóa và gửi kết quả nghiên cứu tới cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh để cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về di sản văn hóa; thông báo công khai với chủ thể di sản văn hóa phi vật thể.

7. Sản phẩm và báo cáo nghiên cứu về di sản văn hóa phi vật thể do cá nhân thực hiện phải được số hóa và gửi tới cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh để cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về di sản văn hóa; thông báo công khai với chủ thể di sản văn hóa phi vật thể.

8. Các cơ quan, tổ chức có chức năng, chuyên môn thực hiện tư liệu hóa di sản văn hóa phi vật thể, các cá nhân thực hiện việc tư liệu hóa di sản văn hóa phi vật thể theo quy định tại Điều 16 của Luật Di sản văn hóa phải được sự đồng thuận của chủ thể di sản và tuân thủ nguyên tắc trong thực hành di sản văn hóa phi vật thể quy định tại Điều 4 Nghị định số 215/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc tư liệu hóa của mình.

9. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo nghiên cứu, sưu tầm, tư liệu hóa di sản văn hóa phi vật thể đã được ghi danh trên địa bàn để củng cố giá trị và cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về di sản văn hóa.

Điều 23. Bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể

Bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn tỉnh cần đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu lập danh mục, lưu trữ các tư liệu di sản văn hóa trong các thiết bị công nghệ nhằm bảo tồn lâu dài, trong đó, ưu tiên các loại hình công nghệ lưu trữ hiện đại, tiên tiến.

Mục 2

QUẢN LÝ CÁC HOẠT ĐỘNG BẢO TỒN, PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ

Điều 24. Quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể đã được kiểm kê và ghi danh

1. Di sản văn hóa phi vật thể trong Danh mục kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể được bảo vệ và phát huy giá trị theo quy định của Luật Di sản văn hóa và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Di sản văn hóa phi vật thể đã được ghi danh vào Danh mục quốc gia về di sản văn hóa phi vật thể và các danh sách của UNESCO phải có biện pháp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị sau ghi danh và thực hiện việc báo cáo theo quy định của pháp luật và quy định, hướng dẫn của UNESCO.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng, phê duyệt đề án bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể sau ghi danh trên địa bàn sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

4. Các hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể gồm: Nghiên cứu, sưu tầm các di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu của các dân tộc tỉnh Thái Nguyên để bảo tồn và phát huy; lựa chọn các di sản văn hóa phi vật thể đặc sắc có nhiều giá trị văn hóa để lập hồ sơ trình Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định, phê duyệt đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia; tổ chức các hoạt động trình diễn, truyền dạy, nghiên cứu, chọn lọc di sản văn hóa phi vật thể để xây dựng thành sản phẩm du lịch, sản phẩm công nghiệp văn hóa và các hoạt động khác theo quy định.

Điều 25. Bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể có nguy cơ mai một, thất truyền

1. Di sản văn hóa phi vật thể có nguy cơ mai một, thất truyền được xác định theo một trong các tiêu chí sau đây:

a) Khả năng tồn tại, thực hành và trao truyền trong cộng đồng chủ thể đang bị ngăn cản hoặc đe dọa, khó có khả năng phục hồi và có thể bị biến mất.

b) Số lượng nghệ nhân giảm mạnh, suy giảm người thực hành và thế hệ kế cận.

c) Suy giảm, biến đổi điều kiện và hình thức thực hành.

d) Không gian văn hóa liên quan, môi trường thực hành di sản văn hóa phi vật thể bị thu hẹp hoặc biến mất.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ kết quả kiểm kê, thực trạng thực hành di sản văn hóa phi vật thể, tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều này, ý kiến đề xuất của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và đề nghị của chủ thể di sản văn hóa phi vật thể để xác định di sản văn hóa phi vật thể có nguy cơ bị mai một, thất truyền.

3. Các biện pháp bảo vệ khẩn cấp di sản văn hóa phi vật thể có nguy cơ mai một, thất truyền bao gồm:

a) Nghiên cứu, tư liệu hóa các thực hành, hình thức thể hiện.

b) Phục hồi các thực hành, hình thức thể hiện, điều kiện, hiện vật và không gian văn hóa liên quan.

c) Tổ chức truyền dạy.

d) Biện pháp khác.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các cơ quan chức năng trên địa bàn triển khai thực hiện các biện pháp bảo vệ khẩn cấp quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản đề nghị Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét trình Thủ tướng Chính phủ cho phép tổ chức xây dựng hồ sơ đề nghị UNESCO hỗ trợ bảo vệ các di sản được ghi danh trong Danh sách cần bảo vệ khẩn cấp từ Quỹ bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể của Công ước 2003 về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể của UNESCO.

Điều 26. Quản lý di sản văn hóa phi vật thể

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm quản lý chung về di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn tỉnh; tham mưu xây dựng ban hành danh mục kiểm kê đối với di sản văn hóa phi vật thể của tỉnh. Phối hợp với các sở, ban, ngành tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện bảo tồn, phát huy giá trị các di sản văn hóa phi vật thể của tỉnh đã được ghi danh vào danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia và danh sách của UNESCO.

3. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã nghiên cứu, tham mưu xây dựng chính sách khuyến khích tạo điều kiện để tổ chức, cá nhân nghiên cứu, sưu tầm, lưu giữ, truyền dạy và giới thiệu di sản văn hóa phi vật thể tại địa phương.

Điều 27. Nguồn lực để bảo tồn, phát huy di sản văn hóa phi vật thể

Đầu tư các nguồn lực từ ngân sách nhà nước, đồng thời lồng ghép trong các chương trình, dự án của tỉnh và các địa phương để thực hiện bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể của các dân tộc tỉnh Thái Nguyên. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa, huy động các nguồn lực để hỗ trợ, tài trợ cho các hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể.

Mục 3

CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGHỆ NHÂN, CHỦ THỂ DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ

Điều 28. Chính sách đối với nghệ nhân, chủ thể di sản văn hóa phi vật thể

1. Nghệ nhân, chủ thể di sản văn hóa phi vật thể được hưởng chính sách, chế độ đãi ngộ của Nhà nước như sau:

a) Được Nhà nước xét tặng, trao tặng danh hiệu vinh dự nhà nước và thực hiện các hình thức khen thưởng, tôn vinh khác theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

b) Hỗ trợ cơ sở vật chất, công cụ, đồ vật, đồ tạo tác và không gian văn hóa liên quan cho hoạt động duy trì thực hành, truyền dạy, sáng tạo, trình diễn, để bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể.

c) Hỗ trợ kinh phí, cơ sở vật chất, công cụ, đồ vật, đồ tạo tác và không gian văn hóa liên quan cho việc thành lập, tổ chức hoạt động của các câu lạc bộ, nhóm thực hành di sản văn hóa phi vật thể, đặc biệt với các di sản văn hóa phi vật thể đã được UNESCO ghi danh, di sản văn hóa phi vật thể có nguy cơ mai một, thất truyền.

d) Nghệ nhân Nhân dân, Nghệ nhân ưu tú được hưởng trợ cấp sinh hoạt hằng tháng, hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm y tế, hỗ trợ chi phí mai táng khi chết.

đ) Có chế độ, chính sách đặc biệt ưu tiên nghệ nhân, chủ thể di sản văn hóa phi vật thể của đồng bào dân tộc thiểu số.

e) Chế độ, chính sách khác theo quy định của pháp luật.

2. Ngoài các chính sách quy định tại khoản 1 Điều này, căn cứ điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, khả năng cân đối ngân sách, huy động các nguồn lực xã hội, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định chế độ đãi ngộ nghệ nhân, chủ thể di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn.

Điều 29. Chính sách đối với câu lạc bộ, nhóm thực hành di sản văn hóa phi vật thể

1. Câu lạc bộ, nhóm thực hành di sản văn hóa phi vật thể được hỗ trợ cho việc thành lập, tổ chức hoạt động khi bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Có hồ sơ đề nghị thành lập của Ban Chủ nhiệm được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chấp thuận, phê duyệt, có quy định hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật và thuần phong mỹ tục, địa điểm sinh hoạt ổn định, dự kiến hoạt động định kỳ, ban chủ nhiệm có ít nhất từ 05 hội viên tự nguyện tham gia.

b) Có chương trình, kế hoạch hoạt động cụ thể, thường xuyên ít nhất 01 kỳ sinh hoạt/01 tháng.

c) Có khả năng duy trì thực hành liên tục và tổ chức truyền dạy nhằm bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn.

2. Câu lạc bộ, nhóm thực hành di sản văn hóa phi vật thể được hỗ trợ kinh phí khi thành lập mới để mua sắm nhạc cụ, đạo cụ, công cụ, đồ vật, đồ tạo tác phục vụ thực hành, truyền dạy, sáng tạo, trình diễn di sản văn hóa phi vật thể và kinh phí hoạt động.

Chương IV

BẢO VỆ VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN TƯ LIỆU TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN

Điều 30. Phân loại và tiêu chí nhận diện di sản tư liệu

1. Di sản tư liệu gồm 02 thành tố là nội dung thông tin và vật mang tin.

2. Di sản tư liệu bao gồm:

a) Nội dung thông tin được thể hiện bằng ký tự, mật mã, chữ viết, hình vẽ trên vật mang tin là lá cây, xương, gỗ, đá, gốm, giấy, nhựa, vải, kính, kim loại hoặc trên vật mang tin có chất liệu khác.

b) Nội dung thông tin được thể hiện bằng âm thanh, hình ảnh tĩnh, động trên vật mang tin là phim, ảnh, bản ghi, bản thu âm và các vật mang tin gốc khác.

c) Nội dung thông tin được thể hiện bằng dạng số trên vật mang tin chứa đựng dữ liệu điện tử.

3. Di sản tư liệu được nhận diện theo các tiêu chí sau đây:

a) Bảo đảm tính xác thực gồm: Nội dung thông tin gốc, đầy đủ được ghi lại có chủ đích trên vật mang tin gốc phải rõ nguồn gốc, xuất xứ, thời điểm tạo lập, quá trình hình thành, lưu giữ và quyền sở hữu.

b) Bảo đảm tính độc bản và độc đáo gồm: Nội dung thông tin và hình thức, phong cách vật mang tin có giá trị tiêu biểu, duy nhất, hiếm có cho một loại hình, một giai đoạn lịch sử hay một nền văn hóa của quốc gia, khu vực hoặc thế giới.

c) Bảo đảm tính toàn vẹn gồm: Nội dung thông tin gốc, hiện trạng của vật mang tin gốc.

d) Bảo đảm giá trị, ý nghĩa và ảnh hưởng gồm: Nội dung thông tin có giá trị tiêu biểu về lịch sử, văn hóa, khoa học, thẩm mỹ, được lưu truyền qua các thế hệ, đánh dấu các bước ngoặt của một hoặc nhiều giai đoạn lịch sử gắn với địa điểm, sự kiện, con người; có ảnh hưởng đối với quốc gia, khu vực hoặc thế giới.

Điều 31. Kiểm kê di sản tư liệu và Danh mục kiểm kê di sản tư liệu

1. Di sản tư liệu được nhận diện theo tiêu chí quy định tại khoản 3 Điều 53 của Luật Di sản văn hóa phải được kiểm kê đưa vào Danh mục kiểm kê di sản tư liệu trong phạm vi quản lý. Danh mục kiểm kê di sản tư liệu phải được rà soát, cập nhật hằng năm.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, tổ chức kiểm kê, phê duyệt, công bố Danh mục kiểm kê di sản tư liệu trong phạm vi quản lý; rà soát, đưa ra khỏi Danh mục kiểm kê di sản tư liệu đối với di sản tư liệu không còn đáp ứng một trong các tiêu chí quy định tại khoản 3 Điều 53 của Luật Di sản văn hóa.

3. Nội dung kiểm kê, rà soát, cập nhật, đưa ra khỏi Danh mục kiểm kê di sản tư liệu thực hiện theo quy định tại Điều 13 Thông tư số 04/2025/TT-BVHTTDL ngày 13/5/2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

4. Hồ sơ kiểm kê, rà soát, cập nhật, đưa ra khỏi Danh mục kiểm kê di sản tư liệu thực hiện theo quy định tại Điều 14 Thông tư số 04/2025/TT-BVHTTDL ngày 13/5/2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Điều 32. Danh mục và tiêu chí ghi danh, ghi danh bổ sung di sản tư liệu

1. Di sản tư liệu được ghi danh, ghi danh bổ sung vào các danh mục sau đây:

a) Danh mục quốc gia về di sản tư liệu.

b) Danh mục của UNESCO bao gồm: Danh mục di sản tư liệu khu vực và Danh mục di sản tư liệu thế giới.

2. Tiêu chí ghi danh, ghi danh bổ sung di sản tư liệu vào Danh mục quốc gia về di sản tư liệu bao gồm:

a) Là di sản tư liệu trong Danh mục kiểm kê di sản tư liệu.

b) Đáp ứng các tiêu chí quy định tại khoản 3 Điều 53 của Luật Di sản văn hóa.

c) Có thể bảo quản được và có biện pháp bảo quản mang tính khả thi.

d) Được cơ quan, tổ chức, cộng đồng, gia đình, dòng họ hoặc nhóm người, cá nhân đồng thuận, tự nguyện đề cử, cam kết bảo vệ và phát huy giá trị.

3. Tiêu chí lựa chọn di sản tư liệu để lập hồ sơ đề nghị UNESCO ghi danh, ghi danh bổ sung bao gồm:

a) Là di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia về di sản tư liệu.

b) Đáp ứng tiêu chí ghi danh, ghi danh bổ sung theo quy định, hướng dẫn của UNESCO.

Điều 33. Ghi danh, ghi danh bổ sung và hủy bỏ ghi danh di sản tư liệu

1. Thẩm quyền ghi danh, ghi danh bổ sung di sản tư liệu vào Danh mục quốc gia về di sản tư liệu được quy định như sau:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm lập hồ sơ khoa học di sản tư liệu trên địa bàn tỉnh. Hồ sơ khoa học di sản tư liệu phải có ý kiến thẩm định của Hội đồng thẩm định do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập.

b) Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, quyết định ghi danh, ghi danh bổ sung, công bố và cấp bằng ghi danh, ghi danh bổ sung cho di sản tư liệu được đưa vào Danh mục quốc gia về di sản tư liệu do Ủy ban nhân dân tỉnh trình sau khi có ý kiến thẩm định của Hội đồng thẩm định do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành lập.

2. Thẩm quyền đề nghị ghi danh, ghi danh bổ sung di sản tư liệu vào các danh mục của UNESCO được Quy chế như sau:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh gửi văn bản đề nghị Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ cho phép và giao Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì lập hồ sơ khoa học di sản tư liệu đề nghị ghi danh, ghi danh bổ sung di sản tư liệu vào các danh mục của UNESCO.

b) Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm lập hồ sơ khoa học di sản tư liệu đề nghị ghi danh, ghi danh bổ sung đề nghị Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định.

c) Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định việc đề nghị UNESCO ghi danh, ghi danh bổ sung di sản tư liệu của Việt Nam sau khi có ý kiến thẩm định của Hội đồng thẩm định do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành lập. Hồ sơ khoa học di sản tư liệu do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trình Thủ tướng Chính phủ phải có ý kiến bằng văn bản của Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia.

3. Thẩm quyền hủy bỏ ghi danh được Quy chế như sau: Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định hủy bỏ ghi danh di sản tư liệu thuộc Danh mục quốc gia về di sản tư liệu trong trường hợp di sản tư liệu không đáp ứng một trong các tiêu chí quy định tại khoản 2 Điều 55 của Luật Di sản văn hóa sau khi có ý kiến thẩm định của Hội đồng thẩm định do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành lập.

Điều 34. Bảo quản di sản tư liệu

1. Di sản tư liệu đã được ghi danh phải được bảo quản như sau:

a) Lập hồ sơ về hiện trạng di sản tư liệu và môi trường bảo quản.

b) Bảo quản thường xuyên theo quy định chung và các quy định đặc thù đối với di sản tư liệu.

c) Bảo quản phòng ngừa bằng các biện pháp để kịp thời ngăn ngừa và hạn chế sự hủy hoại tự nhiên do thiên nhiên hoặc con người gây ra đối với di sản tư liệu.

d) Bảo quản trị liệu bằng các biện pháp khoa học, kỹ thuật và các biện pháp khác phù hợp nhằm loại trừ nguyên nhân gây hại và phục hồi một phần hư hỏng của di sản tư liệu.

đ) Chuyển dạng số, cập nhật, sao lưu trên hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia phục vụ hoạt động quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị trên môi trường điện tử theo quy định của Luật Di sản văn hóa, Luật Tiếp cận thông tin, Luật Sở hữu trí tuệ và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Kho bảo quản di sản tư liệu phải đáp ứng đủ các yêu cầu sau đây:

a) Phải được xây dựng phù hợp với yêu cầu bảo vệ, bảo quản theo loại hình và chất liệu của di sản tư liệu.

b) Bảo đảm các điều kiện về nhân lực, công nghệ, kỹ thuật cần thiết để bảo vệ, bảo quản di sản tư liệu.

c) Có ứng dụng khoa học, công nghệ bảo quản phù hợp với yêu cầu bảo vệ, bảo quản di sản tư liệu.

d) Được tổ chức bảo vệ chặt chẽ, bảo đảm an ninh, an toàn theo quy định của pháp luật; trang bị đầy đủ phương tiện, thiết bị kỹ thuật cần thiết cho việc quan sát, giám sát, phòng, chống trộm cắp, thiên tai, hỏa hoạn, hỏng và các yếu tố khác có thể gây hư hại đến di sản tư liệu.

3. Di sản tư liệu dạng âm thanh, hình ảnh phải được bảo quản trong kho đặc thù theo tiêu chuẩn về nhiệt độ và độ ẩm phù hợp với loại hình, chất liệu, bảo đảm chế độ kỹ thuật; được kiểm tra định kỳ, bảo quản, tu sửa theo quy định tại khoản 1 Điều này bằng thiết bị chuyên dụng, phù hợp theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

4. Di sản tư liệu dạng số phải được lưu trữ bảo đảm yêu cầu về tiêu chuẩn, cấu trúc dữ liệu toàn vẹn, thống nhất, xác thực, đáp ứng về dung lượng, cập nhật trên hệ thống quản lý thông tin quốc gia, dữ liệu thường xuyên được sao lưu, bảo đảm an ninh, an toàn và khả năng truy cập trên môi trường điện tử theo quy định của Luật này, Luật Tiếp cận thông tin, Luật Sở hữu trí tuệ và quy định khác của pháp luật có liên quan.

5. Di sản tư liệu thuộc sở hữu toàn dân thực hiện bảo quản theo Quy chế tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này; đối với di sản tư liệu trong các danh mục của UNESCO còn phải xây dựng và triển khai phương án bảo vệ đặc biệt.

6. Di sản tư liệu thuộc sở hữu chung và sở hữu riêng phải được bảo quản tại chỗ hoặc phù hợp với thực tế; được sự hỗ trợ, hướng dẫn từ các cơ quan Nhà nước có chức năng liên quan tùy theo khả năng và tình hình thực tiễn bảo đảm việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản tư liệu.

Điều 35. Nghiên cứu và sưu tầm di sản tư liệu

1. Cơ quan, tổ chức, cộng đồng, gia đình, dòng họ, cá nhân được nghiên cứu, sưu tầm di sản tư liệu ở Thái Nguyên phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của Luật Di sản văn hóa, Luật Tiếp cận thông tin, Luật Sở hữu trí tuệ và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Di sản tư liệu được sưu tầm thông qua khảo sát điền dã, thu thập, tiếp nhận, chuyển giao, tặng cho, mua bán, trao đổi, chuyển quyền sở hữu và các hình thức sưu tầm khác theo quy định của Luật Di sản văn hóa, Luật Sở hữu trí tuệ và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Di sản tư liệu sau khi được sưu tầm, phải được xử lý kỹ thuật; lập, hoàn thiện và quản lý hồ sơ.

Điều 36. Phục chế di sản tư liệu

1. Di sản tư liệu đã được ghi danh được phục chế trong trường hợp bị hư hại hoặc có nguy cơ bị hủy hoại.

2. Việc phục chế di sản tư liệu thuộc sở hữu toàn dân được quy định như sau:

a) Có dự án phục chế di sản tư liệu được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt sau khi có ý kiến thẩm định của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đối với di sản tư liệu trên địa bàn trong Danh mục quốc gia về di sản tư liệu và của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đối với di sản tư liệu trong các danh mục di sản tư liệu của UNESCO.

b) Quá trình phục chế phải bảo đảm tính chính xác, tính nguyên gốc về nội dung thông tin gốc và tính nguyên mẫu về chất liệu, hình thức của vật mang tin gốc, được thực hiện bởi người có trình độ, kỹ năng, kinh nghiệm, cơ quan, tổ chức có chức năng, nhiệm vụ phù hợp, ưu tiên sử dụng vật liệu, kỹ thuật truyền thống và quá trình tạo lập, chế tác gốc để thực hiện phục chế di sản tư liệu.

c) Việc thực hiện phục chế di sản tư liệu tuân thủ quy định tại Điều 47 và Điều 57 của Luật Di sản văn hóa, Luật Sở hữu trí tuệ và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Di sản tư liệu dạng âm thanh, hình ảnh phải được đánh giá, xây dựng kế hoạch phục chế, hiệu chỉnh màu sắc hình ảnh, xử lý âm thanh trên cơ sở khoa học và phải chuyên dụng lưu trữ, cập nhật vào hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia theo quy định của Luật Di sản văn hóa, Luật Sở hữu trí tuệ và quy định khác của pháp luật có liên quan.

4. Di sản tư liệu dạng số phải được nghiên cứu và phục chế bằng phương tiện kỹ thuật trên môi trường điện tử theo quy định của Luật Di sản văn hóa, Luật Sở hữu trí tuệ và được chuyển đổi phù hợp với sự thay đổi của công nghệ, đáp ứng các yêu cầu của pháp luật về an toàn thông tin mạng và quy định khác của pháp luật có liên quan.

5. Việc phục chế di sản tư liệu đã được ghi danh thuộc sở hữu chung và sở hữu riêng được các cơ quan, tổ chức của Nhà nước có chức năng, nhiệm vụ liên quan hỗ trợ theo khả năng.

Điều 37. Đưa di sản tư liệu trên địa bàn tỉnh được ghi danh đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản ở trong nước, nước ngoài; đưa di sản tư liệu có nguồn gốc tỉnh Thái Nguyên từ nước ngoài về nước

1. Đưa di sản tư liệu được ghi danh đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản ở trong nước và nước ngoài trong các trường hợp sau đây:

- a) Phục vụ các hoạt động đối ngoại cấp nhà nước.
- b) Phối hợp nghiên cứu, tổ chức trưng bày, giới thiệu về di sản văn hóa Việt Nam.
- c) Bảo quản di sản tư liệu mà cơ quan, tổ chức, gia đình, dòng họ, cá nhân sở hữu, quản lý không có khả năng thực hiện.

2. Việc đưa di sản tư liệu đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản phải bảo đảm các điều kiện sau đây:

a) Có thỏa thuận bằng văn bản hoặc hợp đồng và kế hoạch, phương án bảo vệ an toàn cho việc đưa di sản tư liệu đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản với phía tiếp nhận.

b) Có quyết định hoặc văn bản đồng ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân, gia đình, dòng họ, cộng đồng trực tiếp quản lý, sở hữu di sản tư liệu.

c) Trường hợp đưa di sản tư liệu ra nước ngoài phải có bảo hiểm.

d) Có quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đối với di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia về di sản tư liệu; có quyết định của Thủ tướng Chính phủ đối với di sản tư liệu trong các danh mục của UNESCO.

đ) Có văn bản báo cáo gửi Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

3. Trường hợp mượn di sản tư liệu để trưng bày, nghiên cứu ngoài điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này, phía tiếp nhận phải cung cấp nội dung giới thiệu hoặc mục đích nghiên cứu phù hợp với quy định pháp luật Việt Nam và có trách nhiệm chi trả chi phí bảo vệ an toàn và bảo hiểm quy định tại điểm a và điểm c khoản 2 Điều này.

4. Khuyến khích tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài phát hiện, thông báo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về di sản tư liệu có giá trị có nguồn gốc tỉnh Thái Nguyên ở nước ngoài; mua, tặng cho, chuyển giao cho tỉnh di sản tư liệu có nguồn gốc tỉnh Thái Nguyên ở nước ngoài. Ngân sách nhà nước tỉnh ưu tiên để mua và đưa di sản tư liệu có giá trị có nguồn gốc tỉnh Thái Nguyên từ nước ngoài về nước. Di sản tư liệu được tổ chức, cá nhân mua, đưa về để tặng cho, chuyển giao cho tỉnh được hưởng chế độ ưu đãi theo quy định của pháp luật về thuế, phí và lệ phí.

Điều 38. Bản sao di sản tư liệu

1. Bản sao di sản tư liệu là sản phẩm được làm từ bản gốc, giống bản gốc về nội dung thông tin và vật mang tin.

2. Việc làm bản sao di sản tư liệu chỉ được thực hiện nhằm mục đích bảo vệ, phát huy giá trị trong trường hợp di sản tư liệu dễ bị hư hại, cần phải hạn chế sử dụng.

3. Quy trình làm bản sao, chất liệu, số lượng, thời gian làm bản sao di sản tư liệu phải được thể hiện chi tiết và lưu trong hồ sơ.

4. Điều kiện làm bản sao di sản tư liệu bao gồm:

a) Có bản nội dung thông tin gốc để đối chiếu.

b) Có dấu hiệu riêng và ghi rõ thời gian chế tác trên bản sao để phân biệt với bản gốc.

c) Có sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan, tổ chức, cá nhân, gia đình, dòng họ, cộng đồng trực tiếp quản lý, sở hữu di sản tư liệu.

d) Có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền.

5. Bản sao di sản tư liệu không có giá trị tương đương bản gốc, không thay thế được bản gốc; không được sử dụng vì mục đích lợi nhuận; khi sử dụng phải có chú thích là bản sao.

6. Bản sao di sản tư liệu dạng âm thanh, hình ảnh và dạng số phải thực hiện quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

7. Việc làm bản sao di sản tư liệu trong các danh mục của UNESCO là tài liệu lưu trữ thực hiện theo quy định của Luật Di sản văn hóa và quy định khác của pháp luật có liên quan.

8. Căn cứ quy định của Chính phủ, mục đích, sự cần thiết của việc làm bản sao di sản tư liệu, người có thẩm quyền cấp giấy phép quyết định số lượng bản sao được làm.

9. Sản phẩm làm giống di sản tư liệu nhưng không đúng quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này được xác định là làm giả di sản tư liệu.

Điều 39. Hoạt động quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản tư liệu

1. Di sản tư liệu thuộc sở hữu toàn dân phải được quản lý, bảo vệ, phát huy giá trị trong các cơ quan, tổ chức có chức năng, nhiệm vụ phù hợp và không được kinh doanh, mua bán, trao đổi, tặng cho, thực hiện hình thức chuyển quyền sở hữu khác hoặc để thực hiện biện pháp bảo đảm nghĩa vụ dân sự.

2. Di sản tư liệu thuộc hình thức sở hữu chung, sở hữu riêng được kinh doanh, mua bán, trao đổi, tặng cho, thực hiện hình thức chuyển quyền sở hữu khác, thực hiện biện pháp bảo đảm nghĩa vụ dân sự và để thừa kế ở trong nước theo quy định của Luật Di sản văn hóa và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Khi chuyển quyền sở hữu di sản tư liệu thuộc sở hữu chung, sở hữu riêng, tổ chức, cá nhân sở hữu di sản tư liệu phải thông báo bằng văn bản đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch nơi đã đăng ký di sản tư liệu về chủ sở hữu mới.

3. Di sản tư liệu trong Danh mục kiểm kê được bảo vệ và phát huy giá trị theo quy định tại các Điều 57, 58, 59 và 60 của Luật Di sản văn hóa.

4. Di sản tư liệu trong Danh mục quốc gia và các danh mục của UNESCO phải thực hiện đúng các cam kết về quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản tư liệu theo quy định của Luật Di sản văn hóa, Luật Sở hữu trí tuệ, quy định khác của pháp luật có liên quan và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

5. Di sản tư liệu được phát huy giá trị bằng các hình thức sau đây:

a) Công bố, giới thiệu các danh mục kiểm kê di sản tư liệu, danh mục ghi danh di sản tư liệu, dự án và đề án liên quan đến bảo vệ và phát huy giá trị di sản tư liệu.

b) Xuất bản ấn phẩm; trưng bày, triển lãm trực tiếp, trên môi trường điện tử và các hình thức khác.

c) Trao đổi, liên kết, hợp tác và các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

Chương V

TRÁCH NHIỆM CỦA SỞ, BAN, NGÀNH, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG VIỆC QUẢN LÝ, BẢO VỆ VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA TRONG ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN

Điều 40. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành của tỉnh

1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh và tổ chức thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của ngành và phân cấp quản lý di sản văn hóa quy định tại Quy chế này.

b) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, triển khai thực hiện quy định sau khi được ban hành quy định này; theo dõi, tổng hợp định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện và các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện.

c) Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý đối với di sản văn hóa của tỉnh; xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch nghiên cứu, sưu tầm, kiểm kê, bảo tồn, phát huy giá trị các di sản văn hóa; phân loại và quản lý hồ sơ di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh.

d) Thẩm định cấp giấy phép theo thẩm quyền; phối hợp với các ngành liên quan tổ chức hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc nghiên cứu, sưu tầm di sản văn hóa đối với các tổ chức, cá nhân trong nước và người nước ngoài vào nghiên cứu sưu tầm văn hóa tại tỉnh Thái Nguyên.

e) Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về công tác bảo vệ, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa trong địa bàn tỉnh.

g) Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức quản lý và những người làm công tác bảo vệ, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh.

h) Hướng dẫn các địa phương lập hồ sơ khoa học trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xếp hạng di tích cấp tỉnh và hoạt động bảo vệ, bảo tồn và phát huy giá trị di tích trong địa bàn tỉnh.

i) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong công tác lập hồ sơ khoa học đề nghị công nhận bảo vật quốc gia, xếp hạng di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt.

k) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo việc tổ chức lập hồ sơ khoa học trình Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào Danh mục quốc gia về di sản văn hóa phi vật thể; trình Thủ tướng Chính phủ quyết định đề nghị và tổ chức UNESCO ghi danh vào danh sách di sản văn hóa đại diện của nhân loại và di sản văn hóa phi vật thể bảo vệ khẩn cấp.

l) Thẩm định các dự án bảo vệ, bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa của tỉnh theo thẩm quyền.

m) Đề xuất, trình Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng cho các tổ chức, cá nhân có thành tích trong lĩnh vực quản lý, nghiên cứu, sưu tầm, bảo vệ, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa tỉnh Thái Nguyên.

n) Thực hiện quyền hạn, nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan đến di sản văn hóa.

2. Sở Tài chính

a) Thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư các dự án, đầu tư công, tham gia ý kiến đề cương quy hoạch trong lĩnh vực bảo vệ, bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền và đảm bảo theo quy định của pháp luật.

b) Trên cơ sở đề xuất nhu cầu kinh phí (nguồn vốn đầu tư công và nguồn chi thường xuyên) của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các đơn vị có liên quan thực hiện công tác bảo quản, tu bổ, phục hồi, phát huy giá trị của các di tích và các di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn tỉnh, căn cứ khả năng cân đối ngân sách Sở Tài chính phối hợp với các đơn vị có liên quan tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét quyết định cân đối kinh phí thực hiện theo phân cấp ngân sách hiện hành và đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật.

Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (là đơn vị chủ trì) tham mưu báo cáo cấp có thẩm quyền ban hành các quy định về phí, lệ phí và sử dụng các nguồn thu trong hoạt động khai thác tại di tích trong địa bàn tỉnh theo đúng quy định của pháp luật.

3. Công an tỉnh

a) Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chỉ đạo, hướng dẫn cấp xã về công tác quản lý, bảo vệ giữ gìn an ninh trật tự đối với các hoạt động sưu tầm, nghiên cứu bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa và đảm bảo an ninh, an toàn tại các điểm di tích trong địa bàn tỉnh;

b) Chủ trì, phối hợp với các ngành chức năng và cấp xã phòng ngừa, đấu tranh, xử lý các vụ việc vi phạm trong hoạt động bảo vệ, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

4. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh: Phối hợp với các sở, ban, ngành của tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn cấp xã trong các hoạt động bảo vệ, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa trong địa bàn tỉnh bảo đảm an ninh - quốc phòng.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức các hình thức đào tạo bồi dưỡng kiến thức về bảo vệ, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa trong các nhà trường; xây dựng chương trình và tổ chức dạy tiếng dân tộc trong các cấp học, bậc học. Chỉ đạo các trường triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình phối hợp công tác trong việc giáo dục lịch sử, văn hóa địa phương thông qua Di sản văn hóa.

b) Tạo điều kiện cho học sinh được tham quan, học tập ngoại khóa tìm hiểu về các di sản văn hóa của tỉnh Thái Nguyên.

6. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Tổng hợp, tham mưu lựa chọn các đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ liên quan đến việc bảo vệ, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa trong địa bàn tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt thực hiện.

b) Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan thông tấn báo chí của tỉnh xây dựng các chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền sâu rộng về mục đích, ý nghĩa về công tác bảo vệ, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh.

7. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn Ủy ban nhân dân các xã, phường triển khai lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp xã sau khi được phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030. Phối hợp tham gia ý kiến góp ý vào quy hoạch chung cấp xã trong quá trình Ủy ban nhân dân các xã, phường lập quy hoạch chung cấp xã.

b) Phối hợp với các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, phường hướng dẫn các đơn vị tại di tích thực hiện các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

8. Sở Dân tộc và Tôn giáo

a) Phối hợp với các cơ quan chức năng và chính quyền địa phương kiểm tra, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân hoạt động tôn giáo tại di tích theo quy định của pháp luật; tham gia quản lý các di tích có liên quan đến tôn giáo.

b) Quản lý hoạt động tín ngưỡng và các cơ sở tín ngưỡng không là di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng hoặc đã được Ủy ban nhân dân tỉnh đưa vào danh mục kiểm kê của địa phương.

9. Sở Xây dựng

a) Thực hiện quản lý nhà nước về xây dựng, chất lượng công trình xây dựng, chủ trì phối hợp với các cơ quan chức năng trong việc quản lý các công trình xây dựng tại các di tích trong địa bàn tỉnh.

b) Thẩm định các dự án, kế hoạch đầu tư xây dựng công trình phục vụ công tác bảo vệ và phát huy giá trị di tích trong địa bàn tỉnh thuộc thẩm quyền theo quy định.

10. Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh, Cổng Thông tin điện tử tỉnh: Thực hiện xây dựng các chuyên trang, chuyên mục phản ánh, tuyên truyền sâu rộng về mục đích, ý nghĩa của việc bảo vệ, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cộng đồng; động viên, cổ vũ kịp thời các điển hình trong việc bảo vệ, bảo tồn và phát huy giá trị của di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh.

11. Các sở, ban, ngành có liên quan: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện các quy định của pháp luật và quy định này về bảo vệ, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa thuộc lĩnh vực, phạm vi trực tiếp quản lý.

Điều 41. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tổ chức triển khai thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các di sản văn hóa trên địa bàn theo Luật Di sản văn hóa; các văn bản quy phạm pháp luật về di sản văn hóa và Quy chế này.

2. Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan chức năng tăng cường công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản trong địa bàn.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường thực hiện theo thẩm quyền việc giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của các di tích mà không thu tiền sử dụng đất.

4. Xây dựng kế hoạch bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý. Tổ chức kiểm tra giám sát các hoạt động quản lý, bảo vệ, phát huy và khai thác các di tích và di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn.

5. Chịu trách nhiệm quản lý, bảo vệ, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa trong phạm vi địa phương; tổ chức ngăn chặn, bảo vệ, xử lý vi phạm thuộc phạm vi quản lý theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

6. Đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền lập hồ sơ khoa học xếp hạng đối với các di tích và di sản văn hóa phi vật thể của địa phương.

7. Tiếp nhận những khai báo về di sản văn hóa tại cơ sở, kịp thời báo cáo đề nghị lên cơ quan cấp trên có thẩm quyền xem xét giải quyết.

8. Huy động các tổ chức, cá nhân và người dân tham gia bảo vệ, đầu tư khai thác phát huy giá trị của các di sản văn hóa trong địa bàn theo quy định hiện hành.

9. Giải quyết đơn thư, xử lý các vi phạm theo thẩm quyền.

Điều 42. Trách nhiệm của người dân

Mọi cá nhân là công dân mang quốc tịch Việt Nam hoặc người nước ngoài sinh sống và làm việc trong địa bàn tỉnh Thái Nguyên có trách nhiệm trong công tác bảo vệ, giữ gìn các di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh theo các quy định pháp luật và Quy chế này.

Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 43. Trách nhiệm thi hành

Định kỳ hằng năm, các sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã được giao trực tiếp quản lý di sản văn hóa của tỉnh tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Quy chế này gửi Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trước ngày 20 tháng 11 hằng năm.

Điều 44. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có phát sinh, vướng mắc các vấn đề chưa phù hợp cần sửa đổi, bổ sung, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý phản ánh kịp thời về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.